



**Công ty TNHH Một thành viên –  
Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp.

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh số** 3502208399 ngày 30 tháng 10 năm 2013  
3502208399 ngày 27 tháng 2 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 27 tháng 2 năm 2017.

**Chủ tịch** Ông Nguyễn Văn Lê

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,  
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.



\_\_\_\_\_  
Ban Tổng Giám đốc,

\_\_\_\_\_  
Trương Quốc Phúc  
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 54.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới:

- Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập việc Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 1113/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 23 tháng 1 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 1113”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 1113 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thuyết minh 31 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập việc vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đó và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 3 năm 2017. Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất ngày 15 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) yêu cầu Tổng Công ty điều chỉnh lại số liệu quỹ lương theo số được EVN phê duyệt. Tổng Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo yêu cầu của EVN và phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm với báo cáo này. Ngoại trừ các thủ tục kiểm toán các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 31, tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, chúng tôi đã không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán nào khác kể từ ngày lập báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 15 tháng 3 năm 2017.



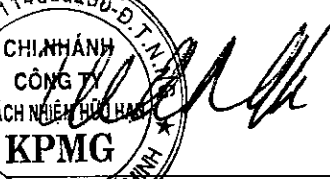
## Vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 54. Thông tin bổ sung tại trang 55 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-070/2016/HN



  
Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>18.785.582.668.582</b>	<b>13.913.070.505.680</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.058.553.861.920</b>	<b>1.157.335.414.262</b>
Tiền	111		1.345.553.861.920	572.335.414.262
Các khoản tương đương tiền	112		713.000.000.000	585.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.050.500.000.000</b>	<b>854.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.050.500.000.000	854.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>12.462.718.469.153</b>	<b>9.200.842.851.741</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	7.182.532.965.775	4.630.809.534.863
Trả trước cho người bán	132		301.221.287.797	210.026.415.254
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.979.701.732.180	4.360.561.174.226
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(737.516.599)	(554.272.602)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>3.040.394.560.198</b>	<b>2.535.464.768.945</b>
Hàng tồn kho	141		3.040.800.862.431	2.546.749.324.620
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(406.302.233)	(11.284.555.675)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>173.415.777.311</b>	<b>165.427.470.732</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.803.198.570	11.482.074.509
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.746.883.281	85.550.771.327
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(b)	124.865.695.460	68.394.624.896

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>66.804.780.077.695</b>	<b>70.741.610.798.612</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000	12.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.569.028.164.052</b>	<b>66.335.137.707.338</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	61.501.566.138.204	66.265.364.261.625
Nguyên giá	222		108.969.000.900.034	107.882.690.423.454
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.467.434.761.830)	(41.617.326.161.829)
Tài sản cố định vô hình	227	10	67.462.025.848	69.773.445.713
Nguyên giá	228		83.265.837.897	83.105.837.897
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.803.812.049)	(13.332.392.184)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.414.930.012.417</b>	<b>2.633.932.162.096</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.414.930.012.417	2.633.932.162.096
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>1.763.692.020.793</b>	<b>1.732.276.756.152</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.287.523.689.312	1.267.507.183.792
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		518.884.589.388	518.884.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.716.257.907)	(54.115.017.028)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.107.880.433</b>	<b>40.252.173.026</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		43.556.825.676	29.436.259.026
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		12.722.874.757	9.987.734.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		828.180.000	828.180.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>85.590.362.746.277</b>	<b>84.654.681.304.292</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>76.861.833.300.304</b>	<b>75.974.335.415.860</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.610.993.943.559</b>	<b>10.577.281.032.708</b>
Phải trả người bán	311	12	5.587.479.453.509	5.831.933.258.093
Người mua trả tiền trước	312		-	240.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(a)	144.692.033.324	164.326.381.907
Phải trả người lao động	314		221.289.953.254	217.374.292.315
Chi phí phải trả	315		50.823.347.579	67.690.531.208
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.158.214.637	15.936.492.876
Phải trả khác	319	14	940.978.254.673	722.675.300.321
Vay ngắn hạn	320	15(a)	3.337.579.626.421	3.339.374.074.111
Dự phòng ngắn hạn	321		63.614.373.786	49.938.670.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		249.378.686.376	168.031.791.877
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.250.839.356.745</b>	<b>65.397.054.383.152</b>
Doanh thu chưa thực hiện	336		409.271.795.189	424.430.009.826
Vay dài hạn	338	15(b)	65.841.567.561.556	64.972.624.373.326
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.728.529.445.973</b>	<b>8.680.345.888.432</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>8.728.529.445.973</b>	<b>8.680.345.888.432</b>
Vốn góp	411	17	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		16.273.236.198	14.151.282.502
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(3.374.214.327.146)	(3.316.477.195.659)
Quỹ đầu tư phát triển	418		218.278.897.602	152.791.883.743
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.939.926.044	15.926.238.964
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		825.628.673.005	793.111.874.096
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		718.432.626.000	691.398.489.473
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		107.196.047.005	101.713.384.623
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.101.515.647	114.585.369.933
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		344.561.911.953	338.780.676.469
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>85.590.362.746.277</b>	<b>84.654.681.304.292</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.


Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng



  
 Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	35.942.430.035.844	28.167.208.487.169
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	69.300.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>35.942.430.035.844</b>	<b>28.167.139.187.169</b>
Giá vốn hàng bán	11	22	32.401.926.808.804	25.588.283.270.161
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.540.503.227.040</b>	<b>2.578.855.917.008</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	216.940.564.718	196.602.668.531
Chi phí tài chính	22	24	3.283.359.758.397	2.376.639.077.119
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.526.916.084.835</i>	<i>1.724.951.889.487</i>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	5(b)	134.210.055.520	131.529.253.128
Chi phí bán hàng	25		233.876.024	757.491.326
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	390.872.879.706	265.669.647.096
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>217.187.333.151</b>	<b>263.921.623.126</b>
Thu nhập khác	31		116.601.237.443	20.298.598.213
Chi phí khác	32		28.981.123.866	37.582.149.549
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>87.620.113.577</b>	<b>(17.283.551.336)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>304.807.446.728</b>	<b>246.638.071.790</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	42.069.052.111	53.065.487.065
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(2.735.140.757)	(9.987.734.000)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>265.473.535.374</b>	<b>203.560.318.725</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2016 VND	2015 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN</b> (60 = 50 - 51 - 52)	60	265.473.535.374	203.560.318.725
<b>Phân bổ:</b>			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	231.187.193.355	161.830.334.135
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	34.286.342.019	41.729.984.590

Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31,  
 ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu

**NT. TONG GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>304.807.446.728</b>	<b>246.638.071.790</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		5.854.621.849.041	4.298.014.403.705
Các khoản dự phòng	03		(8.418.064.780)	87.146.331.455
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		664.947.095.393	452.235.680.518
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(128.263.390.521)	(105.676.725.930)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(134.210.055.520)	(131.529.253.128)
Chi phí lãi vay	06		2.526.916.084.835	1.724.951.889.487
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.080.400.965.176</b>	<b>6.571.780.397.897</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(3.255.697.104.384)	(6.285.278.282.894)
Biến động hàng tồn kho	10		(494.051.537.811)	(714.052.157.836)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.092.164.210.774	1.753.721.937.893
Biến động chi phí trả trước	12		(11.441.690.711)	21.994.258.926
			<b>6.411.374.843.044</b>	<b>1.348.166.153.986</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.271.962.110.066)	(1.593.176.420.064)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(64.648.298.828)	(108.027.323.189)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	184.191.047
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(55.939.050.251)	(60.149.446.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.018.825.383.899</b>	<b>(413.002.845.124)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.115.785.661.299)	(4.162.421.728.521)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		231.546.000	1.379.154.353
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(500.500.000.000)	(654.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		304.000.000.000	859.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		225.194.077.312	313.703.329.449
Chuyển và nhận các đơn vị với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (tiền thuần)			-	62.757.784.530
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.086.860.037.987)</b>	<b>(3.579.581.460.189)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

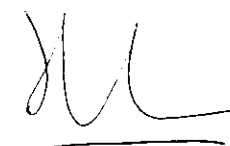
	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		3.106.838.875.511	16.256.671.919.189
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.116.820.889.625)	(13.345.843.812.203)
Tiền trả cổ tức	36		(20.764.884.140)	(21.849.896.168)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(30.746.898.254)</b>	<b>2.888.978.210.818</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>			<b>901.218.447.658</b>	<b>(1.103.606.094.495)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.157.335.414.262</b>	<b>2.260.941.508.757</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>2.058.553.861.920</b>	<b>1.157.335.414.262</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.

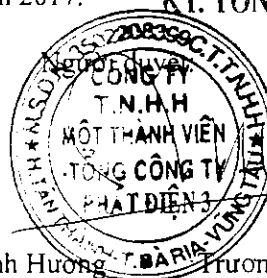
Người lập:



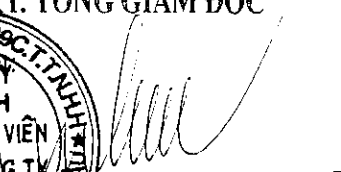
Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có 3 công ty con (1/1/2016: 3 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Văn phòng Tổng Công ty.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cài tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Nhóm Công ty có 3.386 nhân viên (1/1/2016: 3.147 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán trong tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

##### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

##### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được Nhóm Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 3643/EVN-TCKT ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2016 (“Công văn 3643”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 1.508.828.910.951 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: tăng và giảm tương ứng là 1.937.606.705.808 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 1.508.828.910.951 VND (1/1/2016: 1.937.606.705.808 VND).

**(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ**

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 1113/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 23 tháng 1 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 1113”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 1113 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm và tăng tương ứng là 1.865.385.416.195 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: tăng và giảm tương ứng là 1.378.870.489.851 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ cùng giảm 1.865.385.416.195 VND (1/1/2016: 1.378.870.489.851 VND).

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ**

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(k) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.795.273.955	1.514.133.390
Tiền gửi ngân hàng	1.342.758.587.965	570.821.280.872
Các khoản tương đương tiền	713.000.000.000	585.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.058.553.861.920	1.157.335.414.262

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	510.000.000.000	360.000.000.000
Các bên thứ ba	540.500.000.000	494.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.050.500.000.000	854.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với bên liên quan có lãi suất được hưởng là 5,5%-6,7%/năm (2015: 5,3%-6,8%/năm).



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		1/1/2016		Dự phòng giảm giá VND
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị ghi số VND	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	(i) 30,6%	30,6%	875.121.508.432	859.239.711.994	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(ii) 30,0%	30,0%	263.523.062.906	264.761.917.314	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(iii) 30,0%	30,0%	148.879.117.974	143.505.554.484	-
			<b>1.287.523.689.312</b>	<b>1.267.507.183.792</b>	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,8%	1,8%	114.770.927.800	114.770.927.800	(54.115.017.028)
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,6%	1,6%	108.730.000.000	108.730.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	19,89%	83.750.000.000	83.750.000.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,0%	15,0%	74.463.661.588	74.463.661.588	-
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,5%	-	64.000.000.000	64.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,1%	12,1%	50.000.000.000	50.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	-	19.600.000.000	19.600.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,7%	2,7%	2.500.000.000	2.500.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0,03%	0,03%	1.070.000.000	1.070.000.000	-
			<b>518.884.589.388</b>	<b>518.884.589.388</b>	(54.115.017.028)
			<b>42.716.257.907</b>	<b>42.716.257.907</b>	

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tổng tài sản	8.110.772.610.598	7.072.443.428.008
Tổng công nợ	3.969.489.059.302	2.978.658.030.860
Tài sản thuần	4.141.283.551.296	4.093.785.397.148
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.287.523.689.312	1.267.507.183.792
<hr/>		
	2016 VND	2015 VND
Doanh thu	962.456.689.927	982.070.872.068
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	442.204.410.789	433.398.410.507
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	134.210.055.520	131.529.253.128

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	54.115.017.028	11.880.072.794
Tăng dự phòng trong năm	-	42.234.944.234
Hoàn nhập	(11.398.759.121)	-
<hr/>		
Số dư cuối năm	42.716.257.907	54.115.017.028

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện	7.156.802.587.993	4.622.001.128.110
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	11.542.250.000	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	14.188.127.782	8.808.406.753
	<hr/> 7.182.532.965.775	<hr/> 4.630.809.534.863

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	4.381.623.005.587	4.223.779.810.981
Công ty TNHH Hyundai Việt Nam	401.479.171.901	-
Lãi tiền gửi phải thu	19.161.500.581	18.665.523.615
Cổ tức được chia	19.050.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	833.367.237	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	6.483.000.000	12.500.527.777
Phải thu khác	151.071.686.874	104.781.944.616
	<hr/> 4.979.701.732.180	<hr/> 4.360.561.174.226

(\*) Trong số dư này có 3.890.576.415.008 VND do Tổng Công ty đã đầu tư cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án này đã được chuyển về cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam trong năm 2015.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính bọp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	102.911.681.740	-	125.409.722.156	-
Nguyên vật liệu	2.902.753.702.883	(406.302.233)	2.391.646.877.016	(11.284.555.675)
Công cụ và dụng cụ	20.951.485.799	-	12.564.093.104	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.661.450.706	-	16.918.337.376	-
Thành phẩm	505.198.091	-	160.838.203	-
Hàng hóa	17.343.212	-	49.456.765	-
	<b>3.040.800.862.431</b>	<b>(406.302.233)</b>	<b>2.546.749.324.620</b>	<b>(11.284.555.675)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	11.284.555.675	16.667.200.618
Tăng dự phòng trong năm	-	98.226.929
Hoàn nhập	(10.878.253.442)	(5.480.871.872)
Số dư cuối năm	<b>406.302.233</b>	<b>11.284.555.675</b>

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/IN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.027.297.037.133	83.052.957.888.002	6.693.633.203.361	102.624.557.798	6.177.737.160	107.882.690.423.454
Tăng trong năm	3.296.340.314	14.247.723.793	13.147.271.317	23.310.922.031	138.958.000	54.141.215.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 11)	881.282.868.880	106.884.821.609	43.419.306.288	2.689.026.613	-	1.034.276.023.390
Thanh lý	-	(654.173.192)	(1.057.535.817)	-	-	(1.711.709.009)
Xóa sổ	(215.061.100)	(122.681.400)	-	-	-	(337.742.500)
Giảm do quyết toán	-	(50.771.364)	-	(6.539.392)	-	(57.310.756)
Số dư cuối năm	18.911.661.185.227	83.173.262.807.448	6.749.142.245.149	128.617.967.050	6.316.695.160	108.969.000.900.034
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.645.523.182.672	34.967.486.245.347	1.941.004.518.547	62.144.175.980	1.168.039.283	41.617.326.161.829
Khấu hao trong năm	696.978.363.270	4.787.416.388.760	349.344.284.739	17.796.054.789	615.337.618	5.852.150.429.176
Thanh lý	-	(654.173.192)	(1.057.535.817)	-	-	(1.711.709.009)
Xóa sổ	(215.061.100)	(115.059.066)	-	-	-	(330.120.166)
Số dư cuối năm	5.342.286.484.842	39.754.133.401.849	2.289.291.267.469	79.940.230.769	1.783.376.901	47.467.434.761.830
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	13.381.773.854.461	48.085.471.642.655	4.752.628.684.814	40.480.381.818	5.009.697.877	66.265.364.261.625
Số dư cuối năm	13.569.374.700.385	43.419.129.405.599	4.459.850.977.680	48.677.736.281	4.533.318.259	61.501.566.138.204

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.540.548.196.787 VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 1.364.690.088.014 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Một số tài sản cố định hữu hình được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng được trình bày tại thuyết minh 15.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	67.463.477.322	11.871.469.427	3.770.891.148	83.105.837.897
Tăng trong năm	-	160.000.000	-	160.000.000
Số dư cuối năm	67.463.477.322	12.031.469.427	3.770.891.148	83.265.837.897
<b>Khấu hao trong năm</b>				
Số dư đầu năm	8.134.279.728	2.105.404.771	3.092.707.685	13.332.392.184
Khấu hao trong năm	976.159.776	1.087.033.169	408.226.920	2.471.419.865
Số dư cuối năm	9.110.439.504	3.192.437.940	3.500.934.605	15.803.812.049
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	59.329.197.594	9.766.064.656	678.183.463	69.773.445.713
Số dư cuối năm	58.353.037.818	8.839.031.487	269.956.543	67.462.025.848

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2016: 8.015.608.652 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.495.693.705 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

## 11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	2.633.932.162.096	56.899.257.645.196
Tăng trong năm do mua mới	1.846.912.357.764	3.756.998.112.340
Chi phí lãi vay vốn hóa	4.658.591.687	678.364.588.158
Tăng từ nhận bàn giao công ty con	-	219.501.921
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 9)	(1.034.276.023.390)	(57.201.201.695.597)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(9.090.483.494)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(1.120.338.504.035)
Giảm khác	(36.297.075.740)	(370.277.002.393)
Số dư cuối năm	3.414.930.012.417	2.633.932.162.096

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.124.652.173.310	1.023.884.297.980
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	1.367.507.249.414	925.047.930.443
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	494.162.589.458	412.469.077.282
Cảng than Vĩnh Tân	338.960.447.028	259.888.105.390
Khác	89.647.553.207	12.642.751.001
	<b>3.414.930.012.417</b>	<b>2.633.932.162.096</b>

Các tài sản hình thành trong tương lai từ các công trình xây dựng cơ bản dở dang được dùng để đảm bảo cho khoản tiền vay được trình bày tại thuyết minh 15.

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.761.518.280	157.314.832.070
Các bên liên quan khác	11.573.895.245	6.609.615.082
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.488.734.916.271	1.848.611.996.884
Công ty Shanghai Electric Group	1.846.413.913.829	1.519.970.146.668
Tập đoàn Xây dựng Huyndai E&C	-	1.314.517.829.383
Các nhà cung cấp khác	1.238.995.209.884	984.908.838.006
	<b>5.587.479.453.509</b>	<b>5.831.933.258.093</b>
Số có khả năng trả nợ	<b>5.587.479.453.509</b>	<b>5.831.933.258.093</b>

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	81.636.693.220	986.399.381.745	(1.066.608.244.031)	58.560.083.827	59.987.914.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.511.722.587	42.069.052.111	(64.648.298.828)	(991.706.686)	21.940.769.184
Thuế nhà thầu	7.548.230.791	24.717.900.473	(29.187.802.428)	-	3.078.328.836
Thuế xuất nhập khẩu	-	63.178.075.452	(63.178.075.452)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.307.926.573	20.650.307.300	(18.580.098.437)	(1.097.355.577)	3.280.779.859
Thuế tài nguyên	20.485.468.736	246.118.249.434	(232.971.262.386)	-	33.632.455.784
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	21.962.698.126	(21.410.778.126)	-	551.920.000
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	6.836.340.000	43.228.813.860	(28.046.888.960)	-	22.018.264.900
Các loại thuế khác	-	15.208.365.948	(15.006.814.948)	49.000	201.600.000
	<b>164.326.381.907</b>	<b>1.463.532.844.449</b>	<b>(1.539.638.263.596)</b>	<b>56.471.070.564</b>	<b>144.692.033.324</b>

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thu trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	23.435.274.725	-	-	58.560.083.827	81.995.358.552
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.111.619.700	-	-	(991.706.686)	41.119.913.014
Thuế thu nhập cá nhân	2.638.103.521	-	-	(1.097.355.577)	1.540.747.944
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	209.626.950	-	-	-	209.626.950
Các loại thuế khác	-	-	-	49.000	49.000
	<b>68.394.624.896</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.471.070.564</b>	<b>124.865.695.460</b>



Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Phải trả khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	641.272.298.291	498.148.789.015
Các bên liên quan khác	27.000.000	19.443.867.919
<b>Bên thứ ba</b>		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	188.152.714.542	151.562.350.386
Phải trả khác	111.526.241.840	53.520.293.001
	940.978.254.673	722.675.300.321

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2016 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	3.339.374.074.111	3.372.504.638.970	(3.374.299.086.660)	3.337.579.626.421
Số có khả năng trả nợ	3.339.374.074.111			3.337.579.626.421

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn	69.179.147.187.977	68.311.998.447.437
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.337.579.626.421)	(3.339.374.074.111)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	65.841.567.561.556	64.972.624.373.326

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Vay từ các tổ chức</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	135.356.263.918	143.294.202.256
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	599.000.000.000	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	2.172.769.979.856	2.548.769.979.856
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	374.000.000.000	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.966.086.027.360	2.190.781.573.344
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	2.338.883.568.274	2.338.883.568.274
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	1.167.134.660.567	1.167.134.660.567
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	553.230.020.144	553.230.020.144
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	165.000.000.000	185.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	133.881.118.612	-
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srépôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	165.000.000.000	185.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000
<i>Dự án lắp kháng điện khu vực phía Nam để giảm dòng ngắn mạch</i>				
Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	VND	2017	-	50.000.000.000

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	90.571.810.108	-
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	463.999.704.804	470.921.021.851
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.035.820.381.561	17.231.947.165.625
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	10.681.142.416.666	10.955.373.163.664
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	6.254.621.639.385	6.186.010.169.010
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2026	1.911.218.327.802	2.026.195.834.393
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	9.925.971.370.883	8.957.320.563.579
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	103.400.575.863	108.894.686.576
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	75.387.491.087	78.451.727.103
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2016	-	112.562.875.656
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	VND	2018	276.196.364.311	540.518.838.667
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	144.038.310.850	178.072.813.166
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	139.191.924.107	194.793.045.965
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	39.132.649.648	117.397.948.942
Vay trái phiếu	VND	2016	-	100.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	306.127.643.119	378.461.884.374
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	553.422.601.761	774.791.627.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	5.072.359.835.098	5.278.533.404.202
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	582.145.826.724	575.759.847.932
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2026	2.499.490.611.601	2.416.549.105.388

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
<i>Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa –</i>				
<i>Vũng Tàu</i>				
	KRW	2028	536.566.063.868	576.348.719.142
			69.179.147.187.977	68.311.998.447.437

Toàn bộ tài sản hình thành từ các dự án trên được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tương ứng.

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 1,65% đến 5,15% (2015: từ 0,45% đến 6,9%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 8,8% đến 9,8% (2015: từ 6,7% đến 10,5%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (2015: từ 1,66% đến 2,5%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,6% (2015: 3,2%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay KRW là 2,4% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	10.487.655.874.046	6.014.917.945	11.931.846.660	(810.942.597.255)	84.279.949.403	11.122.267.549	795.725.549.905	110.593.427.602	325.404.379.342	11.021.785.615.197
Tăng vốn trong năm	1.271.458.000	-	-	-	-	-	-	-	-	1.271.458.000
Nhận bản giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên (i)	96.728.456.859	-	1.566.487.558	-	16.178.490.841	-	-	1.705.055.583	-	116.178.490.841
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(25.900.004.049)	-	-	(25.181.627.228)	-	-	-	-	-	(51.081.631.277)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	(1.142.186.802)	-	(2.659.523.292)	-	-	(2.659.523.292)
Phân loại lại Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	1.705.055.583	-	-	-	-	-	-	2.286.886.748	-	2.849.755.529
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.849.755.529)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.032.203.784	(62.010.537.898)	-	-	(2.849.755.529)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	652.948.284	-	(652.948.284)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(2.480.352.971.176)	-	-	(98.926.848.113)	-	(5.435.341.350)	(104.362.189.463)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	161.830.334.135	-	41.729.984.590	203.560.318.725
Giảm khác	-	-	-	-	-	(228.232.369)	(847.100.641)	-	(78.453.512)	(1.153.788.522)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	10.561.460.840.439	6.014.917.945	14.151.282.502	(3.316.477.195.659)	152.791.883.743	15.926.238.964	793.111.874.096	114.585.369.933	338.780.676.469	8.680.345.888.432

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	10.561.460.840.439	6.014.917.945	14.151.282.502	(3.316.477.195.659)	152.791.883.743	15.926.238.964	793.111.874.096	114.585.369.933	338.780.676.469	8.680.345.888.432
Tăng/giảm vốn trong năm	483.854.286	-	-	-	-	-	-	(483.854.286)	-	-
Phân loại lại	-	-	2.121.953.696	-	(2.121.953.696)	-	-	-	-	-
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	67.608.967.555	257.095.157	(67.866.062.712)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(130.774.478.773)	-	(7.324.123.852)	(138.098.602.625)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(57.737.131.487)	-	-	231.187.193.355	-	34.286.342.019	265.473.535.374
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.093.784.940)	(21.093.784.940)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(243.408.077)	(29.852.961)	-	(87.197.743)	(360.458.781)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(3.374.214.327.146)	218.278.897.602	15.939.926.044	825.628.673.005	114.101.515.647	344.561.911.953	8.728.529.445.973

(i) Tổng Công ty nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 223/QĐ-EVN của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(\*) Điều chỉnh lại (Thuyết minh 31).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **17. Vốn góp**

Vốn pháp định được duyệt của Tổng Công ty được góp đầy đủ bởi Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Biến động vốn pháp định đã góp trong năm như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.561.460.840.439	10.487.655.874.046
Tăng vốn trong năm	483.854.286	1.271.458.000
Nhận bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một thành viên	-	96.728.456.859
Bàn giao về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(25.900.004.049)
Phân loại lại	-	1.705.055.583
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.561.944.694.725</b>	<b>10.561.460.840.439</b>

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

## **18. Phân phối lợi nhuận**

Theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Ngân sách Nhà nước.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

	Biến động trong năm 2016			
	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND (*)	Bản giao về EVN VND 31/12/2016 VND (*)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.937.606.705.808	(11.568.054.212)	(417.209.740.645)	- 1.508.828.910.951
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.378.870.489.851	729.364.236.401	(242.849.310.057)	- 1.865.385.416.195
	3.316.477.195.659	717.796.182.189	(660.059.050.702)	- 3.374.214.327.146
	Biến động trong năm 2015			
	1/1/2015 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	Bản giao về EVN VND 31/12/2015 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	810.942.597.255	1.268.002.727.601	(166.458.145.276)	25.119.526.228 1.937.606.705.808
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	-	1.607.839.066.980	(228.968.577.129)	- 1.378.870.489.851
	810.942.597.255	2.875.841.794.581	(395.426.722.405)	25.119.526.228 3.316.477.195.659

(i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b)(ii)).

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (thuyết minh 3(b)(iii)).

(\*) Điều chỉnh lại (Thuyết minh 31).



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	7.207.089.774	5.965.683.038
Trong vòng hai đến năm năm	28.828.359.095	23.862.732.152
Sau năm năm	223.976.216.378	205.405.497.779
	260.011.665.247	235.233.912.969

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

**(b) Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	61.707,0	1.401.238.094	38.292,9	859.689.573

**(c) Cam kết đầu tư**

Tại ngày 31/12/2016, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 3.716.126 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (1/1/2016: 3.908.945 triệu VND).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu tiêu thụ điện	35.774.143.725.908	28.085.275.090.829
▪ Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	168.286.309.936	81.933.396.340
	<hr/>	<hr/>
	35.942.430.035.844	28.167.208.487.169
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(69.300.000)
	<hr/>	<hr/>
	35.942.430.035.844	28.167.139.187.169
	<hr/>	<hr/>

**22. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn tiêu thụ điện - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	32.284.620.765.547	25.530.079.179.816
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	117.306.043.257	58.204.090.345
	<hr/>	<hr/>
	32.401.926.808.804	25.588.283.270.161
	<hr/>	<hr/>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	89.208.084.915	83.131.053.207
Cổ tức được chia	38.831.381.940	22.292.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	28.827.289.297	6.216.158.112
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	60.073.808.566	84.962.957.212
	<hr/>	<hr/>
	216.940.564.718	196.602.668.531
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.526.916.084.835	1.724.951.889.487
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	42.820.593.709	72.252.640.208
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	725.020.903.959	537.198.637.730
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(11.398.759.121)	42.234.944.234
Chi phí khác	935.015	965.460
	<b>3.283.359.758.397</b>	<b>2.376.639.077.119</b>

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	192.018.383.887	147.395.629.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.415.425.487	17.807.910.288
Chi phí khác	142.439.070.332	100.466.107.315
	<b>390.872.879.706</b>	<b>265.669.647.096</b>

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu và vật liệu	23.521.399.338.752	19.333.074.498.194
Chi phí nhân công - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	717.419.419.677	552.731.309.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.854.591.849.041	4.262.012.035.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	350.668.025.872	258.489.300.280
Chi phí sửa chữa lớn	1.711.289.859.005	1.049.425.738.513
Chi phí khác	637.665.072.187	398.977.526.254

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2016 VND	2015 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	40.365.438.584	53.065.487.065
Năm trước	1.703.613.527	-
	<hr/> 42.069.052.111	<hr/> 53.065.487.065
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.735.140.757)	(9.987.734.000)
	<hr/> 39.333.911.354	<hr/> 43.077.753.065

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	304.807.446.728	246.638.071.790
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	60.961.489.345	54.260.375.794
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(34.608.287.492)	(33.840.785.688)
Ảnh hưởng của các thuế suất khác nhau	-	926.725.615
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.795.166.693	2.476.447.192
Chi phí thuế thu nhập năm trước	1.703.613.527	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	9.481.929.281	19.254.990.152
	<hr/> 39.333.911.354	<hr/> 43.077.753.065

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 22%).

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	2016 VND	2015 VND
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.888.541.951.728	3.110.521.688.118
Lãi vay vốn hóa vào gốc vay	151.764.775.065	-
Chi phí lãi vay vốn hóa chưa thanh toán	-	24.288.146.499
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	3.429.138.030	3.100.237.230

**29. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Chủ tịch Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Nhóm Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

***Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	2.055.758.587.965	1.155.821.280.872
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	1.050.500.000.000	854.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	12.161.519.181.356	8.990.828.436.487
		<hr/>	<hr/>
		15.267.777.769.321	11.000.649.717.359

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Nhóm Công ty.

**(ii) Phải thu của khách hàng và phải thu khác**

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu của khách hàng và phải thu từ đầu tư dự án cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Tổng Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Nhóm Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Nhóm Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng.

Nhóm Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho phải thu của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	554.272.602	-
Tăng dự phòng trong năm	183.243.997	198.910.438
Tăng từ nhận bàn giao một công ty con	-	355.362.164
Số dư cuối năm	<u>737.516.599</u>	<u>554.272.602</u>

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Nhóm Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được không bao gồm khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Phải trả người bán	5.587.479.453.509	5.587.479.453.509	5.587.479.453.509	-	-
Phải trả người lao động - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	221.289.953.254	221.289.953.254	221.289.953.254	-	-
Chi phí phải trả	50.823.347.579	50.823.347.579	50.823.347.579	-	-
Phải trả khác	940.978.254.673	940.978.254.673	940.978.254.673	-	-
Vay ngắn hạn	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	-	-
Vay dài hạn	65.841.567.561.556	65.841.567.561.556	-	18.490.057.708.616	47.351.509.852.940
	<b>75.979.718.196.992</b>	<b>75.979.718.196.992</b>	<b>10.138.150.635.436</b>	<b>18.490.057.708.616</b>	<b>47.351.509.852.940</b>
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
Phải trả người bán	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	5.831.933.258.093	-	-
Phải trả người lao động	217.374.292.315	217.374.292.315	217.374.292.315	-	-
Chi phí phải trả	67.690.531.208	67.690.531.208	67.690.531.208	-	-
Phải trả khác	722.675.300.321	722.675.300.321	722.675.300.321	-	-
Vay ngắn hạn	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	3.339.374.074.111	-	-
Vay dài hạn	64.972.624.373.326	64.972.624.373.326	-	21.026.365.758.312	43.946.258.615.014
	<b>75.151.671.829.374</b>	<b>75.151.671.829.374</b>	<b>10.179.047.456.048</b>	<b>21.026.365.758.312</b>	<b>43.946.258.615.014</b>



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty, là Việt Nam đồng (“VND”). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”), Yên Nhật (“JPY”), Nhân dân tệ (“CNY”), Won (“KRW”), Đồng Euro (“EUR”) và Franc Thụy Sĩ (“CHF”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Nhóm Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	JPY	31/12/2016 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.707	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(162.851.978)	(91.938.704)	-	-	(19.048.030)	(2.365.509)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.189.265.375)	(26.761.532.474)	(599.934.811)	(27.488.015.567)	-	-
	(2.352.055.646)	(26.853.471.178)	(599.934.811)	(27.488.015.567)	(19.048.030)	(2.365.509)
	USD	JPY	1/1/2016 CNY	KRW	EUR	CHF
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.293	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	(218.242.187)	(309.558.247)	(5.722.766)	(83.963.393)	(455.727)	(372.510)
Vay ngắn hạn và dài hạn	(2.105.722.210)	(29.095.495.677)	(599.934.811)	(32.485.836.581)	-	-
	(2.323.926.104)	(29.405.053.924)	(605.657.577)	(32.569.799.974)	(455.727)	(372.510)

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
1 USD	22.790,00	22.540,00
1 JPY	196,22	187,86
1 CNY	3.185,71	3.377,36
1 KRW	19,52	19,22
1 EUR	24.107,74	24.730,00
1 CHF	22.641,00	22.880,00

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND
<b>31/12/2016</b>	
USD (mạnh thêm 1%)	(536.033.481.744)
JPY (mạnh thêm 4%)	(210.767.524.582)
CNY (yếu đi 6%)	114.673.099.668
KRW (mạnh thêm 2%)	(10.731.321.277)
EUR (yếu đi 3%)	13.776.148.650
CHF (yếu đi 1%)	535.574.893
	<hr/>
	<b>Ảnh hưởng đối với lợi nhuận trước thuế VND</b>
<b>1/1/2016</b>	
USD (mạnh thêm 5%)	(2.619.064.890.997)
JPY (mạnh thêm 7%)	(386.682.118.900)
CNY (yếu đi 1%)	20.455.236.096
KRW (yếu đi 1%)	46.236.999.644
EUR (yếu đi 3%)	337.549.096
CHF (mạnh thêm 6%)	(510.224.244)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Nhóm Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
▪ Các khoản tương đương tiền	713.000.000.000	585.000.000.000
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.050.500.000.000	854.000.000.000
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(17.261.699.759.827)	(15.108.267.201.524)
	(15.498.199.759.827)	(13.669.267.201.524)
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
▪ Tiền gửi ngân hàng	1.342.758.587.965	570.821.280.872
▪ Vay ngắn hạn và dài hạn	(51.917.447.428.150)	(53.203.731.245.913)
	(50.574.688.840.185)	(52.632.909.965.041)

**Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi**

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 505.746.888.402 VND lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty (2015: 368.256.072.922 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán hợp nhất, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	(*) 2.055.758.587.965	1.155.821.280.872
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác	(*) 12.161.519.181.356	8.990.828.436.487
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(*) 1.050.500.000.000	854.000.000.000
	15.267.777.769.321	11.000.649.717.359
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>		
▪ Phải trả người bán	(*) (5.587.479.453.509)	(5.831.933.258.093)
▪ Phải trả người lao động - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	(*) (221.289.953.254)	(217.374.292.315)
▪ Chi phí phải trả	(*) (50.823.347.579)	(67.690.531.208)
▪ Phải trả khác	(*) (940.978.254.673)	(722.675.300.321)
▪ Vay ngắn hạn	(*) (3.337.579.626.421)	(3.339.374.074.111)
▪ Vay dài hạn	(*) (65.841.567.561.556)	(64.972.624.373.326)
	(75.979.718.196.992)	(75.151.671.829.374)

**(ii) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Phân phối lợi nhuận	-	2.659.523.292
Mua điện	118.906.287.343	240.902.178.000
Lãi vay	2.298.663.450.651	1.449.090.291.740
Vay trong năm	2.861.111.745.005	4.388.588.567.669
Thanh toán vay trong năm	2.244.198.842.459	2.517.935.126.477
<b>Công ty Mua bán Điện</b>		
Bán điện và cung cấp dịch vụ	35.773.658.090.813	29.110.481.291.492
<b>Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.102.697.640	-
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</b>		
Mua điện	5.711.774.770	25.874.441.559
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	5.374.769.868	-
<b>Công ty Lưới điện cao thế Miền Bắc</b>		
Mua điện	-	1.936.896.124
<b>Tổng Công ty Truyền tải Điện</b>		
Lãi vay	1.475.000.000	3.185.090.556
<b>Trung tâm Thí nghiệm Điện – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Mua dịch vụ	2.103.227.235	958.444.796
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</b>		
Lãi tiền gửi	23.002.944.447	29.378.222.222
<b>Công ty TNHH Thí Nghiệm điện miền Bắc</b>		
Mua dịch vụ	-	661.784.504
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Mua dịch vụ	5.567.887.306	32.353.298.347
Cung cấp dịch vụ	14.322.500.000	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Mua dịch vụ	2.907.172.899	547.735.561

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b>	<b>2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b>		
Mua dịch vụ	9.724.635.250	493.220.827
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin</b>		
Mua dịch vụ	2.424.470.842	1.235.469.665
<b>Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc</b>		
Cô tức được chia	375.000.000	-
<b>Người quản lý</b>		
Tiền lương và thưởng - điều chỉnh lại (Thuyết minh 31)	11.907.191.000	8.623.454.000

**31. Điều chỉnh và phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2017 Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Sau khi phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn điện lực Việt Nam (“EVN”) yêu cầu Tổng Công ty điều chỉnh lại số liệu quỹ lương theo số được EVN phê duyệt. Tổng Công ty đã điều chỉnh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo yêu cầu của EVN và phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất sau điều chỉnh vào ngày 31 tháng 3 năm 2017. Bảng so sánh số liệu đã phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2017, trước và sau khi điều chỉnh lại như sau:

**(i) Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>31/12/2016</b>		<b>31/12/2016</b>
	<b>(theo báo cáo trước</b>	<b>Điều chỉnh</b>	<b>(Điều chỉnh lại)</b>
	<b>đây)</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả người lao động	266.091.112.254	(44.801.159.000)	221.289.953.254
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	260.413.785.376	(11.035.099.000)	249.378.686.376
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.434.779.913.289)	60.565.586.143	(3.374.214.327.146)
Quỹ đầu tư phát triển	223.008.225.745	(4.729.328.143)	218.278.897.602

**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2016</b> <b>(theo báo cáo trước</b> <b>đây)</b> <b>VND</b>	<b>Điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b> <b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	32.432.499.047.297	(30.572.238.493)	32.401.926.808.804
Chi phí tài chính	3.222.794.172.254	60.565.586.143	3.283.359.758.397
Chi phí quản lý doanh nghiệp	405.101.800.213	(14.228.920.507)	390.872.879.706
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	281.237.962.517	(15.764.427.143)	265.473.535.374
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	246.951.620.498	(15.764.427.143)	231.187.193.355

**(iii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	<b>2016</b> <b>(theo báo cáo trước</b> <b>đây)</b> <b>VND</b>	<b>Điều chỉnh</b> <b>VND</b>	<b>2016</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	320.571.873.871	(15.764.427.143)	304.807.446.728
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	604.381.509.250	60.565.586.143	664.947.095.393
Biến động các khoản phải trả	1.136.965.369.774	(44.801.159.000)	1.092.164.210.774

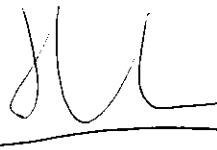
Ngày 15 tháng 3 năm 2017; riêng Thuyết minh 31 và các số liệu trình bày tại Thuyết minh 31, ngày 31 tháng 3 năm 2017.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

Người lập:



Vũ Phương Thảo  
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc  
 Phó Tổng Giám đốc

KQ/H - 15/3/2017